

HOÀN THIÊN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ HÌNH PHẠT CHÍNH KHÔNG GIAM GIỮ

PHẠM THÁI ANH*

Tóm tắt: Bài viết phân tích chế định hình phạt chính không giam giữ trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025 - sau đây gọi là BLHS), làm rõ khái niệm, đặc điểm, phạm vi và điều kiện áp dụng các hình phạt. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn áp dụng các hình phạt chính không giam giữ trong giai đoạn 2021 - 2025, tác giả chỉ ra những hạn chế trong quy định pháp luật và những bất cập trong áp dụng hình phạt, từ đó đề xuất các kiến nghị sửa đổi, bổ sung BLHS góp phần hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng nhân đạo, bảo đảm tính khả thi, thống nhất trong áp dụng pháp luật, tăng cường bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam.

Từ khóa: Hình phạt chính không giam giữ; cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất
Ngày nhận bài: 06/02/2026; Biên tập xong: 19/02/2026; Duyệt đăng: 23/02/2026

IMPROVING THE PROVISIONS OF THE VIETNAMESE PENAL CODE ON NON-DETENTION PRINCIPAL PENALTIES

Abstract: This article analyzes the definition of non-custodial principal penalties in the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017 and 2025), clarifying the concept, characteristics, scope, and conditions for applying these penalties. Based on the practical application of non-custodial principal penalties between 2021 and 2025, it points out the limitations in legal regulations and the arbitrary aspects of penalty application. Thereby, the author proposes recommendations for amending and supplementing the Penal Code to contribute to the improvement of human rights policy, ensuring feasibility and consistency in law application, and strengthening the protection of human rights in Vietnamese criminal justice.

Keywords: Non-custodial principal penalties; warning; fines; non-custodial rehabilitation; export
Received: Feb 06, 2026; **Editing completed:** Feb 19, 2026; **Accepted for publication:** Feb 23, 2026

Đặt vấn đề

Hình phạt chính không giam giữ còn được gọi là hình phạt chính không tước tự do hoặc các hình phạt chính không phải là hình phạt tù¹. Trong hệ thống hình phạt hiện hành, bốn hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và trục xuất được xem là các hình phạt chính không giam giữ. Sự hiện diện của các hình phạt này phản ánh xu hướng phát triển của chính sách hình sự theo hướng nhân đạo, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tăng cường bảo đảm quyền con người. Đặc biệt, kể từ khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành và BLHS năm 2015 có hiệu lực, yêu cầu hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng hạn chế áp dụng hình phạt tù, mở rộng các hình phạt không tước tự do ngày càng được đặt ra rõ nét hơn.

Trong bối cảnh yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, cùng với xu hướng hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết về bảo đảm quyền con người theo Liên hợp quốc, việc nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu về hình phạt chính không giam giữ trở nên đặc biệt cần thiết. Điều này nhằm hoàn thiện cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của chế định hình phạt chính không giam giữ, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của nhóm hình phạt không tước tự do, xây dựng nền tư pháp hình sự nhân đạo, hiệu quả trong giai đoạn hiện nay.

¹ Nguyễn, N. H. (Chủ biên). (2001). *Trách nhiệm hình sự và hình phạt* (tr. 43). Nhà xuất bản Công an nhân dân; Bộ Tư pháp (2014). Hội thảo "Hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự về hệ thống hình phạt không tước tự do".

* Email: Phamthaianh15@gmail.com
Thạc sĩ, Khoa Luật - Trường Đại học Thành Đông

1. Thực trạng quy định của Bộ luật Hình sự về các hình phạt chính không giam giữ và thực tiễn áp dụng

1.1. Quy định của Bộ luật Hình sự về các hình phạt chính không giam giữ

Việc thiết kế hệ thống hình phạt đòi hỏi nhà làm luật phải xác định rõ phạm vi, điều kiện, thời hạn và cách thức thi hành pháp luật đối với từng loại hình phạt nhằm bảo đảm nguyên tắc pháp chế và hạn chế sự tùy nghi trong áp dụng.

Đối với hình phạt cảnh cáo, Điều 34 BLHS quy định: “Cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt”. Đây là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt chính, tác động về mặt tinh thần nên phạm vi áp dụng chỉ đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng chưa đủ điều kiện được miễn hình phạt. Tuy nhiên, các cụm từ như “có nhiều tình tiết giảm nhẹ” hay “chưa đến mức miễn hình phạt” còn mang tính định tính, phụ thuộc vào nhận định của người áp dụng pháp luật, dễ dẫn đến cách hiểu và vận dụng không thống nhất.

Đối với hình phạt tiền, Điều 35 BLHS quy định hình phạt tiền có thể được tuyên là hình phạt chính đối với các trường hợp: (1) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do BLHS quy định; (2) Người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do BLHS quy định. Tuy nhiên, việc mở rộng hình phạt tiền đến cả tội rất nghiêm trọng đặt ra vấn đề về tính tương xứng giữa mức độ nguy hiểm của hành vi và bản chất tài sản của hình phạt.

Bên cạnh đó, BLHS quy định mức tối thiểu là 1.000.000 đồng, mức tối đa được xác định theo từng điều luật đối với các tội danh cụ thể. Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, tình hình tài sản của người phạm tội và sự biến động giá cả. Mức tối thiểu 1.000.000 đồng được duy trì từ BLHS năm 1999 là chưa đủ sức răn đe, nhất là khi so sánh với mức xử phạt hành chính trong một số lĩnh vực cụ thể.

Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, Điều 36 BLHS quy định áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, có nơi làm việc ổn định hoặc nơi cư trú rõ ràng và xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội. Tuy nhiên, điều kiện “không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội” còn mang tính định tính, cần được hướng dẫn áp dụng thống nhất.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 06 tháng đến 03 năm; thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam tương đương 03 ngày cải tạo không giam giữ. Người bị kết án còn bị khấu trừ từ 5% đến 20% thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước, trừ một số trường hợp được miễn việc khấu trừ thu nhập được Hội đồng xét xử nêu rõ trong bản án (bao gồm: Người chưa thành niên, người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự, người không có việc làm, bị mất việc làm...). BLHS năm 2015 cũng bổ sung nghĩa vụ lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với người không có việc làm hoặc bị mất việc làm, góp phần tăng hiệu quả thi hành. Tuy vậy, BLHS chưa quy định rõ về cơ quan có thẩm quyền quyết định và trình tự triển khai thực hiện lao động phục vụ cộng đồng.

Đối với hình phạt trục xuất, Điều 37 BLHS xác định đây là biện pháp buộc người nước ngoài bị kết án rời khỏi lãnh thổ Việt Nam. Phạm vi áp dụng chỉ giới hạn cho đối tượng không có quốc tịch Việt Nam, không phụ thuộc vào loại hay nhóm tội phạm. Tính linh hoạt này tạo điều kiện xử lý phù hợp trong từng trường hợp, song cũng làm gia tăng khả năng vận dụng tùy nghi nếu thiếu tiêu chí cụ thể.

BLHS cũng không quy định việc tổng hợp hình phạt với các hình phạt khác của hình phạt cảnh cáo; tiền phạt và trục xuất; chưa quy định cụ thể cách xác định mức phạt tiền, cải tạo không giam giữ trong trường hợp phạm tội chưa đạt, tạo khoảng trống cần được hoàn thiện để bảo đảm tính minh bạch. Bên cạnh đó, quy định về các hình phạt chính không giam giữ trong Phần các tội phạm vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

Sự phân bố các hình phạt chính không giam giữ trong các nhóm tội phạm chưa thật sự cân đối. Các hình phạt này được tập trung nhiều ở các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, an toàn công cộng và trật tự công cộng, trong khi một số chương khác quy định rất hạn chế. Chẳng hạn, tại Chương các tội phạm về ma túy chỉ có khoản 1 Điều 259. Tội vi phạm quy định về quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần quy định hình phạt tiền.

Mức tối thiểu của hình phạt tiền theo Điều 35 BLHS là 1.000.000 đồng, nhưng trong các điều luật cụ thể ở Phần các tội phạm xác định mức khởi điểm 5.000.000 đồng. Điều này cho thấy cần được đánh giá lại về tính hợp lý của hình phạt. Đồng thời, việc không quy định mức tối đa theo cách tính bội số giá trị vi phạm có thể làm chế tài bị lạc hậu trước biến động của nền kinh tế. BLHS năm 2015 chỉ có 08 khung hình phạt thuộc loại này quy định phạt tiền là hình phạt chính², chủ yếu tập trung ở nhóm tội phạm vi phạm trật tự quản lý kinh tế; tội phạm môi trường và tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng. Tuy nhiên, việc áp dụng phạt tiền đối với tội rất nghiêm trọng cần được cân nhắc kỹ lưỡng để bảo đảm tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

1.2. Thực tiễn áp dụng các hình phạt chính không giam giữ tại Tòa án

1.2.1. Thực tiễn áp dụng hình phạt cảnh cáo

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, việc áp dụng hình phạt cảnh cáo chiếm tỷ lệ rất nhỏ (0,11%) trên tổng số các bị cáo mà Tòa án đã xét xử. Cảnh cáo chủ yếu được áp dụng đối với các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; ngoài ra còn xuất hiện ở một số nhóm tội khác như tội xâm phạm sở hữu; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền tự do, dân chủ của công dân. Ở một số địa phương, hình phạt này hầu như không được sử dụng như: An Giang, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Lai

Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Sơn La, Tây Ninh, Thái Nguyên.

Việc áp dụng hạn chế hình phạt cảnh cáo có thể xuất phát từ một số nguyên nhân: Về bản chất, cảnh cáo chỉ là sự khiển trách công khai của Nhà nước đối với người phạm tội, không kèm theo việc tước bỏ hay hạn chế quyền, lợi ích cụ thể, nên mức độ nghiêm khắc không cao. Trong bối cảnh tội phạm diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng, yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm đặt ra cao hơn, dẫn đến việc Tòa án thường ưu tiên lựa chọn các chế tài có tính răn đe mạnh hơn thay vì hình phạt cảnh cáo. Mặc dù chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá tác động phòng ngừa của hình phạt cảnh cáo nhưng trên thực tế, người bị tuyên cảnh cáo không có nhiều khác biệt đáng kể so với trường hợp được miễn hình phạt, dễ tạo tâm lý e dè cho người tiến hành tố tụng khi áp dụng. Bên cạnh đó, nhiều định kiến xã hội cho rằng việc tuyên cảnh cáo đôi khi bị nhìn nhận như biểu hiện của sự nương nhẹ hoặc tiêu cực, ảnh hưởng đến tâm lý của người áp dụng pháp luật.

1.2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt tiền

Phạt tiền là hình phạt có lịch sử lâu đời, có vai trò quan trọng trong các hình phạt chính không giam giữ. So với các hình phạt chính không giam giữ khác, hình phạt tiền được áp dụng nhiều nhất. Trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, có 6.958/115.605 bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền (chiếm 5,68%). Phần lớn các bản án tuyên phạt tiền tập trung vào nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (chiếm 20,8%) và nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (chiếm 14,02%).

Mặc dù hình phạt tiền được áp dụng chiếm tỷ lệ cao trong các hình phạt chính không giam giữ, song từ thực tiễn áp dụng hình phạt này có thể thấy:

- Tỷ lệ phạt tiền khá khiêm tốn trong tổng số hình phạt được tuyên; chưa tương xứng với tỷ lệ các khung hình phạt có quy định phạt tiền trong BLHS năm 2015 (21,06%).

- Một số trường hợp áp dụng hình phạt tiền đối với các tội danh mà BLHS không có quy định hình phạt tiền³; chuyển áp dụng từ

² Khoản 3 Điều 188, 189; khoản 2 Điều 190; khoản 3 Điều 196; khoản 3 Điều 239; khoản 2 Điều 265, 266 và khoản 3 Điều 283 BLHS năm 2015.

³ Trong số 180.508 bị cáo bị xét xử về các tội phạm ma

hình phạt tiền sang hình phạt tù không có căn cứ pháp luật⁴.

- Mức tiền phạt được tuyên tại các bản án, quyết định của Tòa án cao hơn nhiều so với mức tối thiểu 1.000.000 đồng quy định tại Điều 35 BLHS. Điều này cho thấy mức tối thiểu 1.000.000 đồng không còn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của nhiều loại tội phạm.

- Dù luật yêu cầu khi quyết định mức tiền phạt phải căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi, điều kiện tài sản của người phạm tội và biến động giá cả, song nhiều bản án chưa phân tích cụ thể căn cứ áp dụng hình phạt và xác định mức hình phạt tiền.

1.2.3. Thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ

Cùng với hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ là hình phạt được áp dụng phổ biến trong số các hình phạt chính không giam giữ. Trong 05 năm qua, các Tòa án đã xử phạt 3,92% bị cáo về hình phạt cải tạo không giam giữ. Bên cạnh những kết quả tích cực, vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong quá trình áp dụng, cụ thể:

- Cải tạo không giam giữ giữ vị trí đáng kể trong hệ thống hình phạt. Theo BLHS, phạm vi áp dụng của hình phạt này rộng hơn so với hình phạt tiền, đồng thời được quy định trong nhiều tội danh và khung hình phạt hơn các hình phạt không giam giữ khác. Tuy nhiên, trên thực tế, tỷ lệ bị cáo bị áp dụng cải tạo không giam giữ lại thấp hơn hình phạt tiền. Về cơ cấu tội danh, hình phạt cải tạo không giam giữ chủ yếu được áp dụng đối với các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (chiếm 8,5%) và tội xâm phạm sở hữu (chiếm 2,5%). Khác với cảnh cáo và phạt tiền vốn chỉ tập trung ở một số nhóm tội nhất

định, cải tạo không giam giữ được áp dụng tương đối rộng, hầu khắp ở các chương tội phạm khác nhau, ngoại trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia, phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

- Nhiều bản án tuyên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ không đúng theo quy định tại Điều 36 BLHS⁵.

Nhìn chung, cải tạo không giam giữ vẫn là hình phạt có ý nghĩa quan trọng trong chính sách hình sự. Tuy vậy, để phát huy đầy đủ giá trị của hình phạt này, cần bảo đảm áp dụng đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật và tăng cường tính thống nhất trong thực tiễn xét xử.

1.2.4. Thực tiễn áp dụng hình phạt trục xuất

So với các hình phạt chính không tước tự do khác, trục xuất có phạm vi áp dụng tương đối rộng vì chỉ phụ thuộc vào đối tượng phạm tội là người nước ngoài, không bị giới hạn bởi loại hay nhóm tội danh cụ thể. Dù vậy, trên thực tế, việc áp dụng trục xuất với tư cách hình phạt chính lại rất hiếm. Trong giai đoạn 2021-2025, có 183/676.774 bị cáo bị Tòa án áp dụng hình phạt trục xuất. Phần lớn các trường hợp áp dụng hình phạt trục xuất thuộc nhóm tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; tội phạm về ma túy và tội xâm phạm sở hữu.

Diễn biến này cho thấy hình phạt trục xuất chưa thực sự phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Nguyên nhân có thể xuất phát từ những khó khăn trong quá trình thi hành hoặc từ chính quy định pháp luật. Một vướng mắc đáng chú ý là việc xác định quốc tịch của người phạm tội khi họ sử dụng giấy tờ giả hoặc có nhiều quốc tịch. BLHS không giới hạn cụ thể về loại hay nhóm tội phạm áp dụng, dẫn đến điều kiện áp dụng chưa chặt chẽ, thiếu thống nhất trong thực tiễn xét xử.

Tóm lại, trong hệ thống chế tài hình sự, các hình phạt chính không giam giữ chiếm 4/7 loại hình phạt. Mặc dù chiếm tỷ lệ đáng kể về mặt cơ cấu pháp luật, nhưng trên thực tế, các hình

túy, có 34 bị cáo Tòa án tuyên phạt tiền; 14.312 bị cáo bị xét xử về tội giết người, có 05 bị cáo Tòa án áp dụng hình phạt tiền; 11 bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

⁴ P. T. (2024). Sai lầm trong bản án của 10 chủ doanh nghiệp vụ buôn lậu 200 triệu lít xăng dầu. *VnExpress*. <https://vnexpress.net/sai-lam-trong-ban-an-cua-10-chu-doanh-nghiep-vu-buon-lau-200-trieu-lit-xang-dau-4774581.html> (Truy cập ngày 10/02/2026).

⁵ Thông báo rút kinh nghiệm số 10/TB-VC1 ngày 11/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ không đúng quy định.

phạt chính không giam giữ được áp dụng với tỷ lệ rất thấp so với hình phạt tù có thời hạn (9,75%), trong khi có 72,44% bị cáo bị tuyên hình phạt tù và 17,73% bị cáo bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Việc áp dụng hình phạt không giam giữ ở mức thấp cho thấy vai trò của các hình phạt này chưa được phát huy đầy đủ. Hình phạt cảnh cáo và trục xuất hầu như không thể hiện rõ vai trò của mình, cho thấy chế tài này có thể chưa phù hợp với tính chất nguy hiểm của nhiều hành vi phạm tội hoặc không đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Thực tế cho thấy vẫn tồn tại quan điểm cho rằng các hình phạt không giam giữ thiếu tính răn đe, không khác biệt nhiều so với xử phạt hành chính hoặc khó bảo đảm công bằng xã hội. Nhận thức này tạo áp lực nhất định đối với Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên khi quyết định hình phạt. Tâm lý xã hội phổ biến vẫn cho rằng người phạm tội phải chịu hình phạt tù, từ đó ảnh hưởng đến xu hướng lựa chọn hình phạt của những người tiến hành tố tụng.

Bên cạnh yếu tố nhận thức, việc thiếu cơ chế thi hành hiệu quả cũng là nguyên nhân quan trọng. BLHS và Luật Thi hành án hình sự giao trách nhiệm quản lý người bị kết án cho nhiều cơ quan khác nhau, gây khó khăn trong phối hợp và giám sát. Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, hoạt động giám sát hiện nay phần lớn mang tính hình thức, chủ yếu yêu cầu người chấp hành án có mặt theo triệu tập hoặc định kỳ báo cáo, trong khi thiếu các biện pháp giáo dục, hỗ trợ tái hòa nhập cụ thể. Quy định xử lý vi phạm nghĩa vụ trong thời gian chấp hành án còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe. Trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp giám sát cũng chưa được hướng dẫn chi tiết, dẫn đến việc bàn giao và quản lý người bị kết án đôi khi chỉ mang tính thủ tục, khiến hiệu quả của các hình phạt chính không giam giữ trong thực tiễn vẫn còn hạn chế.

2. Giải pháp hoàn thiện quy định về các hình phạt chính không giam giữ

2.1. Sửa đổi, bổ sung quy định của Bộ luật Hình sự về hình phạt cảnh cáo

Một hình phạt được xác định là hình phạt chính phải đủ khả năng thực hiện các mục

tiêu răn đe, giáo dục và phòng ngừa, đồng thời thể hiện tính nghiêm khắc cao hơn các biện pháp xử lý hành chính hoặc dân sự. Mặc dù có quan điểm đề xuất loại bỏ cảnh cáo khỏi hệ thống hình phạt do thiếu sự khác biệt rõ ràng với chế tài hành chính⁶, song theo tác giả, vẫn cần thiết giữ lại hình phạt cảnh cáo nhằm bảo đảm sự tiếp nối một cách khoa học trong thang bậc xử lý vi phạm pháp luật, đồng thời bảo đảm tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam. Hình phạt cảnh cáo xét cho cùng vẫn đem lại những hậu quả pháp lý bất lợi đối với người phạm tội bằng án tích. Việc duy trì hình phạt cảnh cáo phù hợp với khuyến nghị trong Quy tắc Tokyo khi giới thiệu hình phạt cảnh cáo như một hình phạt nhằm thay thế, hạn chế việc áp dụng hình phạt tù, góp phần đảm bảo quyền của người bị kết án; là minh chứng cho sự tiến bộ và hội nhập với xu hướng phát triển của pháp luật hình sự quốc tế.

Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả của hình phạt cảnh cáo, đảm bảo sự tương xứng giữa tính nguy hiểm của tội phạm và tính cưỡng chế của hình phạt, cần bổ sung quy định cụ thể số lượng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS và cơ chế giám sát tại cộng đồng đối với người bị kết án hình phạt cảnh cáo trong thời hạn nhất định để hỗ trợ, theo dõi việc chấp hành hình phạt của người bị kết án. Về số lượng tình tiết giảm nhẹ, với việc xác định cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống các hình phạt chính nên điều kiện áp dụng hình phạt phải đảm bảo tính khắt khe nhất định. Giám sát tại cộng đồng hay còn gọi là giám sát tư pháp (judicial supervision), là biện pháp không tước tự do được khuyến nghị trong Quy tắc Tokyo, nhằm theo dõi và hỗ trợ người bị kết án trong môi trường xã hội thay vì cách ly khỏi cộng đồng. Trong điều kiện Việt Nam, việc giám sát tại cộng đồng có thể giao cho địa phương

⁶ Lý, V. T. (2012). Nên bỏ hình phạt cảnh cáo trong Bộ luật Hình sự Việt Nam. *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh*. <http://vksbacninh.gov.vn/kiem-sat-vien-viet/chuyen-de-ghiep-vu/nen-bo-hinh-phat-can-cao-trong-bo-luat-hinh-su-viet-nam-7097.html> (Truy cập ngày 11/6/2025).

cư trú và phân công các tổ chức chính trị - xã hội hoặc đoàn thể phối hợp thực hiện việc theo dõi người bị kết án dưới sự điều hành của chính quyền cơ sở. Thời gian giám sát tại cộng đồng có thể xác định từ 01 đến 03 tháng.

Theo đó, Điều 34 BLHS có thể được sửa đổi, bổ sung như sau: *“Cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có ít nhất 03 tình tiết giảm nhẹ trở lên được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt. Người bị phạt cảnh cáo phải chịu giám sát cộng đồng từ 01 đến 03 tháng”*.

2.2. Sửa đổi, bổ sung quy định của Bộ luật Hình sự về hình phạt tiền

Mặc dù phạt tiền giữ vị trí đáng kể trong hệ thống hình phạt, song bản chất của hình phạt này chỉ tác động đến lợi ích vật chất của người phạm tội. Vì vậy, hình phạt tiền chỉ thực sự phù hợp với những hành vi có mức độ nguy hiểm không quá lớn, nơi việc xử lý bằng biện pháp kinh tế vẫn bảo đảm yêu cầu răn đe và phòng ngừa. Do đó, cần điều chỉnh quy định Điều 35 của BLHS theo hướng giới hạn phạm vi áp dụng hình phạt tiền đối với người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng và một số tội phạm nghiêm trọng thuộc một số nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm môi trường, tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Đối với loại tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng vì tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội ở mức cao nên việc quy định hình phạt tiền là hình phạt chính sẽ không tương thích với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm. Theo đó, cần bãi bỏ quy định hình phạt tiền trong chế tài của 05 trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng là khoản 3 Điều 188, khoản 3 Điều 189, khoản 2 Điều 190, khoản 3 Điều 196 và khoản 4 Điều 283 BLHS. Mặt khác, cũng không nên quy định phạt tiền là hình phạt chính đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; các tội về ma túy hoặc chức vụ vì không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi. Việc quy định phạt tiền là hình phạt chính cho tội cố ý gây thiệt hại về tính mạng, sức

khỏe, danh dự, nhân phẩm sẽ không có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo người phạm tội và có thể tạo tâm lý bất bình cho người bị hại và cộng đồng. Đối với các tội phạm về chức vụ và tội phạm về ma túy là nhóm tội phạm có tính nguy hiểm cao, cần tăng cường đấu tranh nên việc quy định và áp dụng phạt tiền là hình phạt chính không phù hợp với tính nguy hiểm của tội phạm, không có tác dụng phòng ngừa chung, thậm chí có thể gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội.

Bên cạnh đó, điều chỉnh tăng mức tối thiểu của hình phạt tiền với tư cách là hình phạt chính, vừa bảo đảm cơ sở lý luận vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. Về phương diện lý luận, hình phạt tiền phải có tính răn đe cao hơn so với các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính, và sự khác biệt này trước hết thể hiện ở mức tiền phạt. Trong khi đó, mức tối thiểu 1.000.000 đồng đã được quy định từ BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đến nay đã trở nên lạc hậu so với sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, việc nâng mức tối thiểu lên 5.000.000 đồng được xem là phù hợp, bảo đảm tương thích với mức tối thiểu được quy định trong chế tài của các quy phạm pháp luật hình sự đối với từng tội phạm cụ thể. Đồng thời, cho phép Tòa án quyết định phương thức nộp tiền một lần hoặc nhiều lần.

Theo đó, Điều 35 BLHS có thể được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các trường hợp sau đây:

a) Người phạm tội ít nghiêm trọng;

b) Người phạm tội nghiêm trọng đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định.

2. Hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người phạm tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định.

3. Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả, nhưng không được thấp hơn 5.000.000 đồng.

4. *Tòa án quyết định hình thức thi hành hình phạt tiền một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn xác định.*

5. *Hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại phạm tội được quy định tại Điều 77 của Bộ luật này."*

2.3. Sửa đổi, bổ sung quy định của Bộ luật Hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ

Điều 36 BLHS cần quy định rõ chủ thể có trách nhiệm quản lý, giám sát và giáo dục người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp họ đang thực hiện nghĩa vụ quân sự nhằm bảo đảm sự thống nhất với Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về cơ chế tổ chức thi hành loại hình phạt cải tạo không giam giữ. Bên cạnh đó, BLHS cần bổ sung quy định về nghĩa vụ tham gia một số hoạt động lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian người phạm tội chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Việc yêu cầu thực hiện các công việc vì lợi ích cộng đồng trong quá trình thi hành hình phạt không chỉ góp phần giáo dục, thay đổi nhận thức của người phạm tội mà còn giúp họ nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm đối với xã hội. Trên thực tế, trong pháp luật hình sự quốc tế cũng như pháp luật của nhiều quốc gia, khi quy định các hình phạt mang tính chất cộng đồng thường gắn kèm nghĩa vụ tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng hoặc tham dự các chương trình, khóa học nhằm thay đổi nhận thức và hành vi của người phạm tội.

Theo đó, Điều 36 BLHS có thể được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập, thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục người đó..."

4. *Người bị phạt cải tạo không giam giữ có nghĩa vụ thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.*

Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự".

2.4. Sửa đổi, bổ sung quy định của Bộ luật Hình sự về hình phạt trục xuất

BLHS năm 2015 chỉ xác định đối tượng áp dụng hình phạt trục xuất là người nước ngoài mà chưa đặt ra các điều kiện cụ thể khác. Trong quá trình xây dựng BLHS, đã có quan điểm cho rằng nên quy định trục xuất là hình phạt bổ sung nhằm bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa người phạm tội là công dân Việt Nam và người nước ngoài khi bị xét xử theo pháp luật hình sự Việt Nam về loại, mức hình phạt và nghĩa vụ thi hành án⁷.

Nếu xét thấy cần tiếp tục duy trì trục xuất với tư cách hình phạt chính, BLHS cần sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng hình phạt. Dù bản chất của trục xuất chỉ là buộc người bị kết án chấm dứt quyền cư trú trên lãnh thổ Việt Nam, ngăn ngừa nguy cơ tái phạm tại Việt Nam, tuy nhiên, cần nhìn nhận rằng đối với các loại tội phạm có tính chất xuyên quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ thông tin bùng nổ, hình phạt trục xuất có thể không đạt được mục tiêu phòng ngừa, bởi người phạm tội vẫn có khả năng tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khi ở nước ngoài. Vì vậy, cần bổ sung các trường hợp phạm tội loại trừ áp dụng hình phạt trục xuất với tư cách hình phạt chính đối với một số nhóm tội phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Việc xác định rõ phạm vi áp dụng trục xuất là yêu cầu cần thiết nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa tính nhân đạo, linh hoạt của chính sách hình sự và yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự quốc gia.

Theo đó, Điều 37 BLHS có thể được sửa đổi theo hướng:

⁷ Báo Chính phủ. Trục xuất là hình phạt chính hay chỉ là hình phạt bổ sung. *Cổng Thông tin điện tử Chính phủ*. <https://baochinhphu.vn/truc-xuat-la-hinh-phat-chinh-hay-chi-la-hinh-phat-bo-sung-102188841.htm>.

“1. Trục xuất là buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trục xuất được Tòa án áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể.

2. Không áp dụng trục xuất với tư cách hình phạt chính đối với các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, ma túy, tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông; tội phạm khủng bố, tài trợ khủng bố, rửa tiền.”

2.5. Sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật khác có liên quan đến hình phạt chính không giam giữ

- Bổ sung quy định về quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội chưa đạt khi điều luật quy định hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ, nhằm bảo đảm cách hiểu và áp dụng pháp luật thống nhất. Theo đó, khoản 3 Điều 57 BLHS cần được sửa đổi theo hướng: “*Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu điều luật quy định là phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định*”.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Thi hành án hình sự trong việc xác định cơ quan có thẩm quyền quyết định việc tổ chức lao động phục vụ cộng đồng trong trường hợp cải tạo không giam giữ; quy định tổng số giờ lao động phải thực hiện và nội dung công việc cụ thể. Luật Thi hành án hình sự cần quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện việc khấu trừ thu nhập theo bản án của Tòa án.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS năm 2015 về việc áp dụng các hình phạt chính không giam giữ để bảo đảm áp dụng thống nhất như: Hướng dẫn áp dụng tiêu chí “xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội” quy định tại Điều 36; hướng dẫn phương pháp xác định thu nhập của người bị kết án làm căn cứ khấu trừ thu nhập khi quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ; quy định về biện pháp xử lý trường hợp người bị kết án cố tình không

chấp hành hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ... nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các hình phạt này.

Kết luận

Tóm lại, hình phạt chính không giam giữ trong BLHS Việt Nam thể hiện rõ xu hướng nhân đạo và hiện đại của chính sách hình sự, phù hợp với yêu cầu bảo đảm quyền con người và chủ trương hạn chế áp dụng hình phạt tước tự do trong những trường hợp không thật sự cần thiết. Việc quy định các hình phạt như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và trục xuất đã góp phần đa dạng hóa công cụ xử lý người phạm tội, tạo điều kiện cho Tòa án lựa chọn biện pháp phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân người phạm tội. Trong bối cảnh cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc hoàn thiện chế định hình phạt chính không giam giữ không chỉ nhằm khắc phục những hạn chế đang hiện hữu mà còn góp phần xây dựng một hệ thống hình phạt cân bằng, hiệu quả và bền vững. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng xét xử, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người phạm tội sửa chữa sai lầm, tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người công dân có ích cho xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. (2022). Thông báo rút kinh nghiệm số 10/TB-VC1 ngày 11/01/2022 về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ không đúng quy định.
2. Bộ Tư pháp. (2014). Hội thảo “Hoàn thiện quy định của BLHS về hệ thống hình phạt không tước tự do”.
3. Nguyễn, N. H. (Chủ biên). (2001). Trách nhiệm hình sự và hình phạt. Nhà xuất bản Công an nhân dân.
4. Nguyễn, M. K. (2014). Các hình phạt chính không tước tự do trong Luật hình sự Việt Nam [Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam].
5. Lý, V. T. (2012). Nên bỏ hình phạt cảnh cáo trong BLHS Việt Nam. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh. <http://vksbacninh.gov.vn/kiem-sat-vien-viet/chuyen-de-nghiep-vu/nen-bo-hinh-phat-can-cao-trong-bo-luat-hinh-su-viet-nam-7097.html>.
6. United Nations. (2007). United Nations Standard Minimum Rules for Non-custodial Measures (The Tokyo Rules). United Nations Office on Drugs and Crime.
7. Báo Chính phủ. Trục xuất là hình phạt chính hay chỉ là hình phạt bổ sung. *Công Thông tin điện tử Chính phủ*. <https://baohinhphu.vn/truc-xuat-la-hinh-phat-chinh-hay-chi-la-hinh-phat-bo-sung-102188841.htm>.